TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/10/2019.
"*V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lâm Bé Nhi**

- *Các Hội thẩm nhân dân* 1/ Ông **Lại Thiện Phong.**

2/ Bà **Nguyễn Thị Hiếu.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Bà **Lê Huyền Mao** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 166/2019/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2019 về "*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thị E**– sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Danh D** – sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chị Thị E và anh Danh D vắng mặt tại phiên tòa, nhưng chị E có làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Thị E trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Danh D có tổ chức cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N vào ngày 02/4/2013. Trong thời gian đầu, vợ chồng chị chung sống với nhau hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh D thường hay nhậu nhẹt, không lo làm ăn và ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ đó chị và anh D sống ly thân với nhau khoảng 04 năm nay. Nay chị E không thể kéo dài

cuộc sống hôn nhân với anh D, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Danh D.

Về quan hệ con chung: Chị E xác định trong quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 người con chung là cháu Danh Đ, sinh ngày 24/01/2014 hiện cháu đang sống chung với chị E. Khi ly hôn chị E yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì.

Đối với bị đơn anh Danh D đã bỏ đi khỏi địa phương nên Tòa án không án tiến hành lấy lời khai được. Do đó Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án trong suốt quá trình giải quyết tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thị E được ly hôn với anh Danh D.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Danh Đ, sinh ngày 24/01/2014 cho chị E nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. anh D không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản;

3. Về quan hệ tài sản: Chị E không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra chị Thị E còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Thị E khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Danh D và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con".

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Danh D có nơi đăng ký thường trú tại ấp B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và

điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện H thụ lý giải quyết.

[3] Nguyên đơn chị Thị E mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị E. Riêng bị đơn anh Danh D vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh D.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Thị E và anh Danh D có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 02/4/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị E và anh D là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống đến nay, chị E xác định giữa anh và anh D phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 04 năm nay. Chị E xác định chị không còn tình cảm với anh D từ khi ly thân với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, bỏ mặc nhau nên chị muốn ly hôn với anh D. Mặc dù không ghi nhận được ý kiến của anh D, tuy nhiên qua xác minh đối với ông Huỳnh Tấn Bữu– Trưởng ấp B, chị Thị Thắm – phụ nữ ấp B xác định giữa chị E và anh D có xảy ra mâu thuẫn, lúc còn sống với nhau vợ chồng thường hay cự cải, bất đồng quan điểm do anh D thường hay nhậu nhẹt và ghen tuông vô cớ nên cả hai đã sống ly thân với nhau khoảng 04 năm nay. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của chị E và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị E, cho anh chị Thị E được ly hôn với anh Danh D.

[5] Về quan hệ con chung: chị E xác định chị và anh D có chung 01 người con chung là cháu Danh Đ, sinh ngày 24/01/2014 hiện cháu Đạt đang sống chung với chị E. Khi ly hôn chị E yêu cầu được nuôi con. Mặc dù không ghi được ý kiến của anh D nhưng Xét thấy, khi chị E và anh D ly thân với nhau khoảng 04 năm nay thì cháu Đạt sống cùng chị E, cả hai đã có cuộc sống, môi trường ăn, ở, học ổn định. Để không làm xáo trộn cuộc sống của cháu Đạt nên Hội đồng xét xử cần tiếp tục giao cháu Danh Đ, sinh ngày 24/01/2014 cho chị E nuôi dưỡng, trong nôm, chăm sóc, giáo dục. Đồng thời chị E không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận và không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên anh Danh D được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

[6] Về quan hệ tài sản: chị Thị E không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Thị E. Cho chị Thị E được ly hôn với anh Danh D.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Danh Đ, sinh ngày 24/01/2014 cho chị Thị E nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. anh Danh D không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Thị E không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thị E phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ghi nhận chị E đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0002646 ngày 28/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bạc Liêu;*
- *VKSND huyện Hồng Dân;*
- *Chi cục THADS huyện Hồng Dân;*
- *UBND thị trấn N;*
- *Đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Bé Nhi